

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Vĩnh Thạnh**

2. Bà **Bùi Thanh Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Số X, khu vực A, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Lê Văn P1, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Số X, khu vực A, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Vào năm 1986, bà và ông Lê Văn P1 đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới An nay là phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào ngày 30/6/1986.

Thời gian đầu bà và ông P1 sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa về

mặt tình cảm nên thường xuyên cãi vả nhau nên vợ chồng mất hạnh phúc. Ông bà nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân nhau. Nay bà không còn tình cảm với ông P1, không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông P1.

Về con chung: Có 03 con tên Lê Văn Đ (nam), sinh ngày 01/01/1986; Lê Văn N (nam), sinh ngày 06/8/1991 và Lê Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 02/10/1996. Tất cả đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại Bản tự khai ngày 06/7/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn P1 trình bày: Ông và bà P tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1986, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới An nay là phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào ngày 30/6/1986.

Quá trình chung sống đến đầu năm 2015 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, bất hòa về tình cảm, bà P hay ghen tuông nên xảy ra cự cãi nhau. Ông bà có hàn gắn tình cảm nhưng không được nên đã ly thân nhau. Tuy vậy, ông vẫn còn thương bà P nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con tên Lê Văn Đ (nam), sinh ngày 01/01/1986; Lê Văn N (nam), sinh ngày 06/8/1991 và Lê Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 02/10/1996. Tất cả đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trường hợp ly hôn thì ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất không có.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà P trình bày, thực tế sau khi kết hôn thì vợ chồng đã sống không hạnh phúc, việc cãi vả hầu như xảy ra hàng ngày, ông P1 còn thường xuyên đánh bà, cách nay 03 năm ông có quan hệ với người phụ nữ khác và thường bỏ nhà đi đêm, khi về thì hắc hủi và thường xuyên kiểm chuyện với bà, ông không quan tâm gì đến vợ con, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nay bà không còn tin tưởng ông P1 và không còn tình cảm với ông nữa nên cương quyết xin ly hôn.

- Về phía bị đơn ông P1 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là do bà P nghi ngờ ông có người phụ nữ khác còn thực tế ông không có, ông chỉ đánh vợ một lần do tức giận, hiện ông vẫn còn thương yêu vợ con và mặc dù ông không

đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không tạo được niềm tin cho bà, nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông bà thống nhất là tất cả đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà thống nhất nếu ly hôn thì tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà thống nhất là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Văn P1 và bà Nguyễn Thị P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên bà P khởi kiện xin ly hôn với ông P1 nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Bà P và ông P1 chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới An nay là phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào ngày 30/6/1986, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả hai thường xuyên cãi vã nhau, ông P1 thường hay đánh bà, ông P1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên hắt hủi bà và không quan tâm đến vợ con, bà đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên cả hai đã sống ly thân. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay bà không còn tin tưởng ông P1 và bà cũng không còn tình cảm gì với ông P1 nữa, nên bà cương quyết xin ly hôn. Về phía ông P1 thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng có từ năm 2015 chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm nên hay cãi vã nhau, bà P ghen tuông nên dẫn đến cự cãi và vợ chồng sống ly thân nhau, nhưng hiện ông vẫn còn tình cảm với bà P nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà P và ông P1 phát sinh nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm nên cãi vã nhau, bà P không tin tưởng sự chung thủy của ông P1 làm cho cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tại phiên tòa bà P xác định không còn tin tưởng, thương yêu

ông P1 nữa nên cương quyết xin ly hôn là điều không tránh khỏi. Về phía ông P1 mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông không đưa ra được biện pháp hàn gắn hữu hiệu nào.

Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông P1 và bà P có 03 con tên Lê Văn Đ (nam), sinh ngày 01/01/1986; Lê Văn N (nam), sinh ngày 06/8/1991 và Lê Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 02/10/1996. Các con hiện nay đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông P1 và bà P cùng thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Ông P1 và bà P cùng thống nhất không có. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Lê Văn P1.

- Về con chung: Ông P1 và bà P thống nhất 03 con tên Lê Văn Đ (nam), sinh ngày 01/01/1986; Lê Văn N (nam), sinh ngày 06/8/1991 và Lê Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 02/10/1996 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông P1 và bà P cùng thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Ông P1 và bà P cùng thống nhất là không có. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 001986 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo bản án để xin Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Trương Thị Liên